

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày: 02/10/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ĐÀO DƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **LƯU VĂN CỐ**

Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIỀU DIỄM** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông **LÊ HOÀNG ANH** – Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2018/TLST-DS ngày 17/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà **Phạm Thị Thanh H**

Địa chỉ: *Tổ 9 khóm N, phường H, thành phố T, tỉnh H*

Bà H có mặt tại phiên tòa.

* **Bị đơn**: Bà **Mai Thị Thanh T** và ông **Lê Văn Q**

Địa chỉ: *Tổ 12 khóm N, phường H, thành phố T, tỉnh H*

Bà T, ông Q vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Nguyên đơn (bà Phạm Thị Thanh H) trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*** Ngày 05/4/2017 bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q có mượn của tôi số tiền 125.000.000 đồng theo thỏa thuận là 01 tháng vào ngày 05/5/2017 bà T, ông Q phải hoàn trả lại số tiền trên cho tôi. Tuy nhiên, cho đến nay bà T, ông Q không trả tiền cho tôi theo cam kết mặc dù tôi đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà T, ông Q vẫn cố tình lẩn trốn.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân Tp T xem xét, giải quyết buộc bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 125.000.000 đồng làm một

lần. Ngoài ra, bà T, ông Q còn phải trả cho tôi số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, kể từ ngày 06/5/2017 cho đến khi bà T, ông Q trả dứt nợ gốc, lãi suất áp dụng là 10%/năm (tức 0.83%/tháng, 0.027%/ngày). Như vậy, bà T, ông Q phải trả cho tôi số tiền:

- Gốc: 125.000.000 đồng

- Lãi chậm trả tính đến ngày 02/10/2019 (876 ngày): 125.000.000 đồng x 0.027%/ngày x 876 ngày = 29.565.000 đồng.

Tổng cộng: 154.565.000 đồng (*Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

- **Bị đơn (bà Mai Thị Thanh T, ông Lê Văn Q):** Bà T, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:** Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền gốc là 125.000.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc bà Phạm Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q trả số tiền gốc là 125.000.000 đồng và lãi chậm trả phát sinh theo quy định của pháp luật. Xét thời hiệu khởi kiện của vụ án trên còn trong thời hạn luật định và việc khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh H là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Bị đơn bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà Mai Thị Thanh T, ông Lê Văn Q vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Giữa bà Phạm Thị Thanh H và bà Mai Thị Thanh T, ông Lê Văn Q có ký “Giấy xác nhận mượn tiền” vào ngày 05/4/2017 với nội dung bà H cho bà T, ông Q mượn số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là

01 tháng kể từ ngày ký giấy cam kết mượn tiền. Trong giấy cam kết mượn tiền ngày 05/4/2017, giữa bà H và bà T, ông Q không thỏa thuận áp dụng lãi suất. Tuy nhiên, tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bà H yêu cầu bà T và ông Q trả số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 06/5/2017 cho đến khi bà T, ông Q trả dứt nợ gốc, lãi suất áp dụng là 10%/năm (tức 0.83%/tháng, 0.027%/ngày). Đã hết thời hạn 01 tháng nhưng bà T, ông Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà H như đã thỏa thuận mặc dù bà H đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà T, ông Q vẫn cố tình lẩn trốn.

Qua xem xét, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy việc bà Phạm Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q phải thanh toán số tiền gốc 125.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*) là hoàn toàn có cơ sở pháp lý. Vì vậy, xét đây là yêu cầu chính đáng của nguyên đơn và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này của bà Phạm Thị Thanh H.

Đối với yêu cầu lãi chậm trả. Xét thấy: bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên còn phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả theo quy định. Do đó, chấp nhận yêu cầu lãi chậm trả của nguyên đơn, buộc bà Mai Thị Thanh T, ông Lê Văn Q phải thanh toán thêm khoản lãi chậm trả từ ngày 06/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất 10%/năm (tức 0.83%/tháng, 0.027%/ngày) là hợp lý. Số tiền lãi được tính như sau:

Lãi chậm trả tính đến ngày 02/10/2019 (876 ngày): $125.000.000 \text{ đồng} \times 0.027\%/ \text{ngày} \times 876 \text{ ngày} = 29.565.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, buộc bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q phải trả cho bà Phạm Thị Thanh H số tiền 154.565.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), trong đó gốc 125.000.000 đồng và lãi 29.565.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn, bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: $154.565.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.728.000 \text{ đồng}$ (tính tròn)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 385, 398, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 96, 147, 185, 227, 228 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc bà Mai Thị Thanh T, ông Lê Văn Q phải trả cho bà Phạm Thị Thanh H số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tính đến hết ngày 02/10/2019 là: 154.565.000 đồng (*Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), trong đó gốc 125.000.000 đồng và lãi 29.565.000 đồng. Trả một lần ngay sau bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Mai Thị Thanh T và ông Lê Văn Q phải chịu 7.728.000 đồng (tính tròn) (*bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Thanh H số tiền 3.125.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010370 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quy định chung:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung